

CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CÁC NGÀY TRONG TUẦN /THÁNG: 01/2026 (TOÀN TRƯỜNG)

TỪ NGÀY 5 /01 ĐẾN 9 /01/2026

Ghi chú: Tổng số tiền ăn: 20.000đ/1hs/1 ngày (Trong đó: tiền thực phẩm: 14.400đ/ngày; Gia vị 600đ; riêng gia vị Tá Sú Linh 1.500đ, Lý Mạ Tá: 1.125đ; bữa chiều 5.000đ/em thứ: 2,4 Sữa tươi tiệt trùng có đường mộc châu MILK 110ml 5.000đ/em; thứ: 3,5 bánh mì 5.000đ/em; thứ 6: Mì kokomi Đại 90: 5.000đ/em); (75 em x 20.000 = 1.500.000đ)

Ghi chú: Tổng số tiền ăn: 8.889/1hs/1 ngày (Trong đó: tiền thực phẩm: 3.289đ/ngày; Gia vị 600đ; bữa chiều 5.000đ/em thứ: 2,4 Sữa tươi tiệt trùng có đường mộc châu MILK 110ml; thứ: 3,5 Bánh mì 5.000đ/em; thứ 6: Mì kokomi Đại 90: 5.000đ/em) (21 em x 8.889 = 186.600đ)

Ghi chú: Tổng số tiền ăn: 8.500/1hs/1 ngày (Trong đó: tiền thực phẩm: 8.500đ/ngày (17 em x 8.500 = 144.500đ)

Số tiền ăn/ngày: 1.831.100đ

Tổng số ngày ăn/tháng : 18 ngày.

Số lượng học sinh	Thứ	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng cung cấp thực phẩm các bán						Tổng tiền ăn cả trường
				TKK+APC+PNK+TM	Tá Sú Linh	Lý Mạ Tá	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
96	Hai 5.../01/2026	Thịt lợn nguyên móng vai	Kg	6,3	0,33	0,41	7,0	150.000	1.056.000	1.831.100
		Đậu phụ	Kg	4,0	-	-	4,0	25.000	100.000	
		Rau bắp cải	Kg	3,2	0,23	0,20	3,7	20.000	73.400	
		Bánh mì	Cái	87	5,0	5,0	97	5.500	533.500	
		Hành khô	Kg	0,2	-	-	0,2	50.000	7.500	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		51.600	4.500	4.500	60.600		60.600	
96	Ba 6.../01/2026	Giò lợn (nạc)	Kg	6,3	0,30	0,35	6,9	160.000	1.111.900	1.831.100
		Quả su su	Kg	2,2	0,15	0,20	2,6	20.000	51.000	
		Rau cải thảo	Kg	2,9	0,20	0,24	3,3	20.000	66.600	
		Sữa tươi tiệt trùng có đường mộc châu MILK 110ml	Hộp	87	5,0	5,0	97	5.500	533.500	
		Hành khô	Kg	0,2	-	-	0,2	50.000	7.500	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		51.600	4.500	4.500	60.600		60.600	
96	Tư 7.../01/2026	Thịt lợn nguyên móng vai	Kg	6,30	0,3	0,41	7,0	150.000	1.056.000	1.831.100
		Đậu phụ	Kg	4,0	-	-	4,0	25.000	100.000	
		Rau bắp cải	Kg	3,25	0,2	0,20	3,7	20.000	73.400	
		Bánh mì	Cái	87,00	5,0	5	97	5.500	533.500	
		Hành khô	Kg	0,15	-	-	0,2	50.000	7.500	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		51.600	4.500	4.500	60.600		60.600	
96	Năm 8.../01/2026	Giò lợn (nạc)	Kg	6,30	0,30	0,35	6,9	160.000	1.111.900	1.831.100
		Quả su su	Kg	2,20	0,15	0,20	2,6	20.000	51.000	
		Rau cải thảo	Kg	2,90	0,20	0,24	3,3	20.000	66.600	
		Sữa tươi tiệt trùng có đường mộc châu MILK 110ml	Hộp	87,0	5,0	5,0	97	5.500	533.500	
		Hành khô	Kg	0,2	-	-	0,2	50.000	7.500	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		51.600	4.500	4.500	60.600		60.600	
96	Sáu 9.../01/2026	Thịt lợn nguyên móng vai	Kg	6,1	0,27	0,35	6,7	150.000	1.009.100	1.686.600
		Rau bắp cải	Kg	3,7	0,23	0,20	4,2	20.000	83.400	
		Mì kokomi Đại 90	Gói	87,0	5,00	5,00	97	5.500	533.500	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		51.600,0	4.500	4.500	60.600		60.600	

Kế toán


Lò Văn Đoàn

